

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

Quản lý kế hoạch giảng dạy

-oOo-

Thời khóa biểu đăng ký môn học

Học kỳ 1 - Năm học 2025 - 2026

Lưu ý: mỗi ký tự trong dãy 123456789123456 ...(trong tuần dạy) diễn tả cho 1 tuần lễ. Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ 1 của học kỳ (Tuần 1). Các ký tự 1 kế tiếp nếu có diễn tả tuần thứ 11,21... của học kỳ. Ngày bắt đầu học kỳ: 01/09/2025

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	Sĩ số	Họ và tên	Mã viên chức	Nhóm	Tổ TH	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Mã phòng	Tên lớp	Tuần học
1	839004	Pháp chế TVTT- Luật x/bản-Luật s/hữu trí tuệ	2	55	Phạm Thị Đoan Trang	10396	01		5	4	2	2.B101	DTT1231	123456789012345----
2	839023	PPNC khoa học ứng dụng trong ngành Thông tin - Thư viện	2	55	Phạm Thị Đoan Trang	10396	01		5	6	2	2.B302	DTT1231	123456789012345----
3	839061	Tham khảo nâng cao	3	55	Đinh Thị Hồng Thúy	10707	01		2	3	3	2.B101	DTT1231	123456789012345----
4	839301	Thư viện học đại cương	3	35	Dương Thị Vân	11321	01		2	1	2	C.E104	DTT1251	-234567890-----
5			3	35	Dương Thị Vân	11321			2	6	3	C.A304	DTT1251	-234567890-----
6	839302	Thông tin học đại cương	3	35	Trần Minh Tâm	11145	01		4	1	3	C.B105	DTT1251	-234567890-----
7			3	35	Trần Minh Tâm	11145			5	3	2	C.B105	DTT1251	-234567890-----
8	839401	Tiếng Anh chuyên ngành Thông tin - Thư viện	4	55	Vương Thảo Nguyên	11354	01		6	2	2	C.A303	DTT1231	123456789012345----
9			4	55	Vương Thảo Nguyên	11354			6	4	2	C.A303	DTT1231	123456789012345----
10	839402	Kỹ năng giao tiếp trong thư viện	2	35	Dương Thị Vân	11321	01		2	3	3	C.A303	DTT1251	-2345678901-----
11	839406	Phát triển tài nguyên thông tin	3	35	Đỗ Thị Lan Phương	10105	01		3	1	3	C.A301	DTT1251	-234567890-----
12			3	35	Đỗ Thị Lan Phương	10105			4	4	2	C.E201	DTT1251	-234567890-----
13	839409	Tự động hóa thư viện	4	60	Trần Minh Tâm	11145	01		2	4	2	C.B105	DTT1221	123456789012345----
14			4	60	Trần Minh Tâm	11145			3	4	2	2.A102	DTT1221	123456789012345----
15	839410	Thư viện số	3	55	Trần Minh Tâm	11145	01		3	1	3	2.B101	DTT1231	123456789012345----
16	839411	Quản lý dự án CNTT trong thư viện	3	60	Trần Minh Tâm	11145	01		2	1	3	C.B105	DTT1221	123456789012345----
17	839412	Đánh giá sản phẩm và dịch vụ thông tin - thư viện	3	60	Trần Văn Hồng	20664	01		5	3	3	2.A102	DTT1221	123456789012345----
18	839419	Thông tin Khoa học Công nghệ	3	60	Trần Văn Hồng	20664	01		5	6	3	2.A102	DTT1221	123456789012345----
19	839501	Tổ chức quản lý công tác văn thư lưu trữ	3	35	Phạm Thị Đoan Trang	10396	01		3	6	3	C.A303	DTT1251	-234567890-----
20			3	35	Phạm Thị Đoan Trang	10396			5	1	2	C.B105	DTT1251	-234567890-----
21	839503	Văn hóa đọc	2	40	Phạm Thị Đoan Trang	10396	01		3	1	3	C.E202	DTT1241	1234567890-----

Thời khóa biểu đăng ký môn học

Học kỳ 1 - Năm học 2025 - 2026

Lưu ý: mỗi ký tự trong dãy 123456789123456...(trong tuần dạy) diễn tả cho 1 tuần lễ. Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ 1 của học kỳ (Tuần 1). Các ký tự 1 kế tiếp nếu có diễn tả tuần thứ 11,21... của học kỳ. Ngày bắt đầu học kỳ: 01/09/2025

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	Sĩ số	Họ và tên	Mã viên chức	Nhóm	Tổ TH	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Mã phòng	Tên lớp	Tuần học
22	839505	Tiếng Anh chuyên ngành Thông tin - Thư viện	3	40	Vương Thảo Nguyên	11354	01		3	4	2	C.E202	DTT1241	123456789-----
23			3	40	Vương Thảo Nguyên	11354			5	1	3	C.E202	DTT1241	123456789-----
24	839506	Biên mục mô tả	4	40	Nguyễn Thị Thanh Duyên	10096	01		3	6	3	C.E202	DTT1241	1234567890-----
25			4	40	Nguyễn Thị Thanh Duyên	10096			6	1	3	C.E202	DTT1241	1234567890-----
26	839510	Nhập môn truyền thông đa phương tiện	3	40	Nguyễn Thị Giang	10792	01		2	4	2	C.E202	DTT1241	12345678-----
27			3	40	Nguyễn Thị Giang	10792			4	1	3	C.E202	DTT1241	12345678-----
28	839512	Ứng dụng tin học văn phòng trong công tác Thông tin - Thư viện	3	40	Nguyễn Thị Giang	10792	01		2	1	3	C.E202	DTT1241	123456789-----
29			3	40	Nguyễn Thị Giang	10792			5	4	2	C.E202	DTT1241	123456789-----
30	861301	Triết học Mác - Lênin	3	160	Trần Thị Tươi	11460	22		6	8	3	1.B101	DTT1251	-234567890-----
31			3	160	Trần Thị Tươi	11460			7	4	2	1.B102	DTT1251	-234567890-----
32	862408	Giáo dục quốc phòng và an ninh III	2	50	Đỗ Hữu Dự	11602	05		2	1	5	4.S-QP05	DTT1231	-2-----
33			2	50	Đỗ Hữu Dự	11602			2	6	5	4.S-QP05	DTT1231	-2-----
34			2	50	Đỗ Hữu Dự	11602			3	1	5	4.S-QP05	DTT1231	-2-----
35			2	50	Đỗ Hữu Dự	11602			3	6	5	4.S-QP05	DTT1231	-2-----
36			2	50	Đỗ Hữu Dự	11602			4	1	5	4.S-QP05	DTT1231	-2-----
37			2	50	Đỗ Hữu Dự	11602			4	6	5	4.S-QP05	DTT1231	-2-----

Ngày.....tháng.....năm.....

Người lập biểu